

Bản án số: 13/2019/HSPT

Ngày: 29-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Quang Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Ông Bạch Đăng Thi.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:***
Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 233/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn L và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo: Trần Văn L, Trần Trung H, Trịnh Bá S, Nguyễn Thế H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2018/HSST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn L**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Y, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2017 đến ngày 15/5/2018, hiện tại ngoại (có mặt).

2. Họ tên: **Trần Trung H**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Trần Văn T và bà Giáp Thị H; có vợ là Vũ Thị Hồng A và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2017 đến ngày 18/12/2017, hiện tại ngoại (vắng mặt).

3. Họ tên: **Trịnh Bá S**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; đoàn thể: là Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Trịnh Bá T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là

Nguyễn Thị H1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2017 đến ngày 31/01/2018, hiện tại ngoại (có mặt).

4. Họ tên: **Nguyễn Thế H2**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Thế B và bà Ngụy Thị H; có vợ là Ngô Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2017 đến ngày 15/5/2018, hiện tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L - sinh năm 1992 ở thôn Y, xã S, thành phố B; Trần Trung H - sinh năm 1993 ở thôn T, xã Y, huyện L; Trịnh Bá S - sinh năm 1995 ở thôn T, xã Q, huyện Y đều là nhân viên làm nhiệm vụ an toàn và Nguyễn Thế H2 - sinh năm 1989 ở thôn B, xã T, huyện Y là công nhân lái xe nâng tại Công ty V, thuộc khu công nghiệp VT, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Chiều tối ngày 08/10/2017, Trịnh Bá S mời L, H cùng một số bạn bè đến nhà tại thôn T, xã Q, huyện Y để mừng đầy tháng con. Sau khi ăn, uống xong đến khoảng 20 giờ cùng ngày S mời mọi người đi hát karaoke tại quán hát cách nhà S khoảng 01 km. Tại phòng hát, L nói với H “tôi nay anh em mình làm” ý L rủ H cùng tham gia trộm cắp cuộn dây đồng của Công ty, H hỏi L “làm gì”, L trả lời “lấy cuộn dây đồng của Công ty, anh sắp xếp hết rồi, tí bảo S nữa”, nghe L nói vậy H đồng ý và ra khỏi phòng hát tìm gặp S tại hành lang nói với S “anh L bảo tôi nay làm đây”, S bảo “làm cái gì” H nói “anh L bảo đi trộm cuộn dây đồng, mọi việc anh L đã lo hết rồi”, S đồng ý. Sau đó H cùng S đi xuống sảnh tầng một của quán hát tìm gặp L. Tại đây L, H, S bàn bạc với nhau lấy cuộn dây điện của Công ty, L biết cuộn dây to nên cần phải có xe nâng mới nâng được cuộn dây, nên L điện thoại rủ H2 lái xe nâng cùng tham gia trộm cắp, lúc này H đứng gần nghe thấy L bảo H2 tham gia lái xe nâng, thì H nói H cũng biết lái xe gọi H2 làm gì, L bảo không biết H biết lái xe nâng nên gọi H2 rồi, thì cứ để cho H2 tham gia cùng, mọi người tiếp tục hát đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì S thanh toán tiền mọi người ra về. Khi về nhà S, L, H ngồi uống nước còn S đi tắm. Sau đó H gọi taxi đến để L, H, S đi đến gầm cầu vượt đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, thuộc khu vực Đình Trám ngồi uống nước, L điện thoại bảo H2 ra gặp. Khoảng 15 phút sau H2 đi xe máy một mình ra quán uống nước cùng với L, H, S. Tại đây L bảo H2 tối nay anh em tính lấy cuộn dây điện của Công ty, H2 nghe thấy L nói vậy nên bảo tại quán nước có đông người nói chuyện không tiện và rủ mọi người đi ra chỗ vắng để bàn. Sau đó H2 đi xe máy của H2 đèo L, còn H và S đi taxi qua cầu vượt theo hướng Đình Trám đi khu công

ng nghiệp VT, đến một bãi đất trống thuộc khu công nghiệp VT (cách chân cầu vượt phía khu công nghiệp VT) khoảng 500 m thì mọi người dừng lại. Tại đây, L là người có ý kiến trước, L bảo H, S và H2 tối nay anh em mình tính lấy cuộn dây điện trong Công ty, L nhận tắt camera cùng lo việc bảo vệ và phân công H2 lái xe nâng ra khu vực kho 9 để lái xe nâng cuộn dây điện lên xe ô tô, H ra đón xe ô tô để đưa vào Công ty, còn S lo cảnh giới bảo vệ ở vòng ngoài. Nghe L nói vậy H2 bảo “làm thế có an toàn không” L trả lời “lúc nào làm em tắt hết camera, không sợ đâu”, H2 hỏi lại “tắt hết camera liệu còn lưu được hình ảnh không”, L trả lời “tắt camera rồi, thì làm sao lưu được nữa”, mọi người tham gia ý kiến và đi đến nhất trí nội dung như L đã phân công.

Sau đó mọi người tính việc lấy trộm cuộn dây điện xong sẽ tiêu thụ ở đâu thì L bảo hôm trước ngồi uống nước có quen một người chuyên đi mua phế liệu tên là L1, người này giới thiệu nhà ở Cẩm Phả- Quảng Ninh, lấy vợ ở thành phố B và có số điện thoại của L1 nên L điện thoại hỏi L1 có mua dây đồng không? L1 hỏi có nhiều không và ở đâu? L bảo bán cả cuộn dây lấy ở Công ty em, L1 hỏi tiếp có an toàn không thì L bảo khi trộm cắp sẽ tắt hết camera nên không lo và bảo L1 tìm gọi xe để chở cuộn dây trộm cắp, L1 đồng ý mua và tìm xe để chở sẽ điện lại cho L sau. Sau khi trao đổi xong L nói lại với H, S và H2 là có người mua cuộn dây rồi ông ấy gọi luôn cả xe, mọi người thống nhất bao giờ có xe đến thì làm.

Sau đó H2 đi xe máy đèo L và H vào Công ty để làm việc, còn S do đã xin nghỉ làm việc hôm đó nên L bảo S ở ngoài chờ xe đến rồi điện lại cho L. Khoảng 01 giờ ngày 09/10/2017 khi L đang ở trong Công ty thì L1 gọi điện cho L thông báo xe đến rồi để L cho người ra đón. Trước đó S ở khu vực bãi đất trống gần khu công nghiệp VT, chờ lâu không thấy xe nào đến nên điện cho L bảo ra đón nhưng L nói không có xe và bảo S cứ chờ ở đó, S điện cho H bảo ra đón vì L không có xe. Khoảng 20 phút sau H đi một chiếc xe máy Wave màu trắng mượn của bạn làm cùng Công ty đi ra chỗ S, cùng lúc này L điện cho S hỏi xe ô tô mua cuộn dây điện trộm cắp đến chưa, S bảo “chưa đến”, S và H định đi xe máy xung quanh Công ty để quan sát thì thấy có một chiếc xe ô tô con và một chiếc xe ô tô tải đi đến cách chỗ S và H khoảng 100 m, lúc này S nhận được điện thoại của L nói “để ý xe đến rồi đấy”, S nghĩ hai xe ô tô này chính là xe do L gọi nên S và H đi xe máy đến gần hai xe ô tô, S hỏi người ngồi trên xe tải có phải xe L gọi không thì người ngồi trên xe tải không trả lời mà người ngồi trên xe ô tô con kéo kính xuống trả lời “phải”, S bảo đi cân xe trước và mở cửa ngồi lên xe tải, lúc này người lái xe tải là anh Hoàng Văn Y, sinh năm 1974 ở thôn TP, xã T, thành phố B. Anh Y lái xe cùng S đi đến trạm cân của công ty trách nhiệm hữu hạn B thuộc xã S, thành phố B để cân vỏ xe, sau khi cân xong S và anh Y mỗi người cầm một phiếu cân sau đó anh Y lái xe quay lại bãi đất trống ban đầu, lúc này chỉ có H, còn xe ô tô con đã đi chỗ khác. Tại đây S và H chờ ý kiến của L vì L nói khi nào L bảo “ok” thì mới được lái xe vào Công ty, chờ lâu không thấy L điện nên H lại đi xe máy vào Công ty. Khi vào Công ty, H đi tuần đến khu vực đầu phòng camera thì gặp L, L bảo H “đi chỗ khác, anh đang có việc”, khi H đi khỏi thì L trèo lên cửa sổ vào khu vực

tủ điện tại gầm cầu thang (vị trí này camera không chiếu đến) L tiến đến gần hộp điện và sập cầu dao điện của hệ thống camera, để tắt toàn bộ hệ thống camera của Công ty, tắt xong L đi bộ ra khu vực nhà rác 2 của Công ty gặp bảo H “xe đến rồi ra đón xe vào” H đi ngay xe máy ra ngoài bãi đất trống nơi có xe tải và S đang chờ rồi L tiếp tục điện cho H2, bảo H2 lái xe nâng ra khu vực kho 9 đợi xe đến chở cuộn dây thì làm việc, H2 nhận lời. H đi xe mô tô ra bãi đất trống nói với S là L bảo đánh xe ô tô vào rồi H đưa xe máy cho S đi và bảo anh Y để H lái xe vào Công ty vì H quen đường, anh Y đồng ý ngồi ghế phụ để H lái xe, còn S lái xe máy đi bên ngoài Công ty để cảnh giới. H lái xe ô tô qua cổng bảo vệ công ty V vào phía trong, lúc này barie mở tự do (do thời điểm này Công ty thường có xe ô tô chở cơm vào cho công nhân ăn đêm nên bảo vệ không đóng), H lái xe ô tô vào rồi lùi thẳng đến khu vực kho 9, thấy H2 đã ngồi trên xe nâng chờ sẵn. Khi xe ô tô đến H và anh Y mở thành xe để H2 nhanh chóng lái xe nâng, cầu cuộn dây điện còn nguyên chưa sử dụng lên thùng xe ô tô, H đóng thùng xe và lái xe đi ra khỏi cổng Công ty theo lối trước đó đã vào, lúc này cổng ra vào barie vẫn mở. Khi ra khỏi cổng Công ty, H điện cho S đi xe máy ra cổng khu công nghiệp VT, S ra đón thấy H đang lái xe ô tô, S điều khiển xe máy đi theo khi đi đến trạm cân của công ty trách nhiệm hữu hạn B, thì H lái xe vào bàn cân, S và anh Y cùng vào phòng cân để cân xe và cầm phiếu, trừ trọng lượng vỏ xe cân ban đầu thì cuộn dây điện có trọng lượng là 2.370 kg (hai nghìn ba trăm bảy mươi ki lô gam), sau đó anh Y lái xe ô tô chở cuộn dây điện đi theo chỉ dẫn của người đã thuê, theo anh Y khai anh không biết người thuê anh lái tên là gì, ở đâu, người này bảo đi về hướng thị trấn N, huyện Y, khi đến khu đất trống gần thị trấn N thì đỗ xe để chờ chuyển cuộn dây điện sang một xe ô tô khác (theo anh Y khai lúc này anh ngủ trong capin xe nên không biết việc sang hàng cùng biển số và đặc điểm của xe ô tô đến chở cuộn dây), sau đó anh Y được người thuê trả tiền công là 1.500.000 đồng.

Sau khi cân cuộn dây điện trộm cắp tại trạm cân xong thì S nhận được điện thoại từ một số máy lạ do một người đàn ông điện đến hẹn ra ngã tư “tử thần” (là ngã tư giao cắt giữa đường cao tốc Bắc Giang- Hà nội và đường đi thị trấn N, huyện Y) để thanh toán tiền, nghe xong S và H đi xe máy ra cách chân cầu vượt ngã tư “tử thần” khoảng 100 m chờ, khoảng 05 phút sau thấy có một xe ô tô con đến, S và H nhận ra đó chính là chiếc xe ô tô lúc trước đến bãi đất trống ở khu công nghiệp VT cùng với xe tải, người ngồi sau mở cửa xe bảo H và S lên xe ô tô thanh toán tiền. Khi H và S lên ô tô, người đàn ông tính tiền và nói cuộn dây điện được hơn 200 triệu đồng, trả trước 200 triệu đồng còn lỗi cuộn dây điện để sáng ra cân tính tiền trả nốt, sau đó xe ô tô này đi đâu S và H không rõ. Sau khi cầm tiền, S điện cho L thì L bảo chia cho L, H, S mỗi người 50 triệu đồng, chia cho H2 35 triệu đồng, còn 15 triệu đồng giữ lại tính sau. Thấy L nói vậy nên S cầm 50 triệu đồng phần của S được chia, rồi S thuê xe taxi đi về nhà ngay trong đêm. H cầm 150 triệu đồng đi xe máy về Công ty, trên đường về H điện cho L ra ngoài đường vành đai RD11 (ngoài công ty) để chia tiền, sau đó L điện cho H2 cùng ra. Khi gặp nhau, H nói với H là bán cuộn dây điện được 150 triệu đồng và chia cho H2 35 triệu đồng, còn L bảo H cứ cầm hộ phần tiền của L để sáng ngày hôm sau đưa cho

L, sau đó L, H, H2 lại vào Công ty làm việc. Khoảng 7 giờ ngày 09/10/2017, L1 điện cho L báo đến trạm cân của công ty TNHH Bắc Hà để cân lõi cuộn dây điện, do L đang bận trực ở Công ty nên đến khoảng 08 giờ cùng ngày, L và H lên trạm cân gặp L1 để cân lõi cuộn dây điện trộm cắp trước đó, sau khi cân xong cả ba đến quán gần đó ăn sáng. Tại quán ăn sáng, H đưa cho L 50 triệu đồng tiền bán cuộn dây điện (là phần của L được chia) rồi mọi người ra về, buổi tối cùng ngày H đưa nốt 15 triệu đồng cho L. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày L1 và L gặp nhau tại khu vực C thuộc thành phố B, tại đây L1 thanh toán cho L tiền mua cuộn dây điện còn thiếu là 06 triệu đồng, số tiền này L cầm 04 triệu đồng và chia cho S 02 triệu đồng.

Ngày 14/10/2017 Công ty TNHH V có đơn trình báo đến Công an huyện Việt Yên về việc bị mất trộm tài sản, cùng giấy ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty, ủy quyền cho bà Trần Thị H là nhân viên nhân sự Công ty TNHH V tham gia tố tụng với tư cách là bị hại của vụ án. Ngày 24/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá và Kết luận cuộn dây điện quy cách (3 x 240) + (2 x 120) có chiều dài 220 m, có giá trị là 374.000.000 (*Ba trăm bảy mươi tư triệu*) đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2018/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 07 (bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2017 đến ngày 15/5/2018.

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Trần Trung H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2017 đến ngày 18/12/2017.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Bá S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2017 đến ngày 31/01/2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2017 đến ngày 15/5/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 29/10/2018, bị cáo Trần Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Ngày 29/10/2018, bị cáo Trần Trung H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị cho hưởng án treo.

Ngày 22/10/2018, bị cáo Nguyễn Thế H2 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù và cho hưởng án treo.

Ngày 29/10/2018, bị cáo Trịnh Bá S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn L, Trịnh Bá S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Thế H2 tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Bị cáo Trần Trung H vắng mặt, không có đơn xin rút kháng cáo.

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và không thắc mắc về tội danh.

Bị cáo Trịnh Bá S đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù vì là lao động chính trong gia đình và nuôi con nhỏ. Bị cáo biết hành vi của mình đã sai, mong được giảm nhẹ hình phạt tù.

Bị cáo Trần Văn L đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù vì hình phạt 07 năm tù là nặng. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là ông bà bị cáo tham gia kháng chiến, bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn L tranh luận: Mức án phạt bị cáo như vậy là quá cao so với các bị cáo khác. Bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ là ông ngoại có huân huy chương và khai ra người mua biết việc tài sản bán cho người mua là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có.

Bị cáo Trịnh Bá S tranh luận: Bị cáo uống rượu không làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo biết hành vi của mình là sai. Vì vậy xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đối đáp: Bị cáo Trần Văn L khai có ông ngoại có huân huy chương nhưng không có hồ sơ chứng nhận ông ngoại bị cáo có huân huy chương và chưa chứng minh được người mua tài sản phạm tội.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Trung H là người kháng cáo vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, không bị

kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Trần Trung H là đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

+ Về tội danh: Trần Văn L, Trần Trung H, Trịnh Bá S là nhân viên làm việc tại bộ phận an toàn của công ty TNHH V thuộc khu công nghiệp VT, huyện V, có trách nhiệm được Công ty giao làm nhiệm vụ an toàn trong đó có nhiệm vụ kiểm tra con người, hàng hóa ra vào Công ty và bảo vệ mọi mặt có liên quan đến công tác an toàn của Công ty. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, tối ngày 08/10/2017 sau khi ăn, uống tại nhà S ở thôn T, xã Q, huyện Y và đi hát karaoke ở quán cách nhà S khoảng 01 km, tại đây L là người đề xướng việc trộm cắp cuộn dây điện của Công ty, được H và S đồng ý, rồi L điện thoại cho Nguyễn Thế H2 là công nhân lái xe nâng ở cùng Công ty ra khu vực bãi đất trống gần chân cầu vượt Đình Trám, thống nhất bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo cùng việc tìm người tiêu thụ tài sản trộm cắp. Khoảng 02 giờ ngày 09/10/2017, khi có xe ô tô đến chờ hàng trộm cắp, các bị cáo theo kế hoạch phân công đã tắt camera, thực hiện cảnh giới, đưa dẫn xe ô tô vào kho 9 và dùng xe nâng hàng của Công ty nâng hàng lên xe để trộm cắp 01 cuộn dây điện có quy cách (3x240) + (2x120) chiều dài 220m, có giá trị là 374.000.000đồng đã bán được 206.000.000 đồng rồi chia nhau sử dụng.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bàn bạc thống nhất thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 374.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ Đối với bị cáo Trần Văn L: Bị cáo có vai trò chính trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và quyết định mức hình phạt 07 năm tù đối với bị cáo là đã có sự khoan hồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L.

+ Đối với bị cáo Trịnh Bá S và Trần Trung H: Hai bị cáo này có vai trò thứ hai trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo và quyết định mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là nhẹ, không nặng. Việc cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã khoan hồng cho các bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo S và bị cáo H.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thế H2: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện rút đơn kháng cáo và không liên quan đến phần kháng cáo khác nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo, Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo H2.

Trong vụ án này, Trần Văn L khai ra người hứa hẹn mua cuộn dây điện có tên là L1 giới thiệu với L quê ở Cẩm Phả- Quảng Ninh, lấy vợ ở thành phố B, cơ quan điều

tra đã xác minh qua số điện thoại L1 liên lạc với L xác định được chủ thẻ bao đó tên là Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1981 ở M, thành phố B có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo, Nguyễn Ngọc A đã vắng mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên kiến nghị cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp tục điều tra xử lý là có căn cứ.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Văn L, Trịnh Bá S phải chịu áp phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Gia đình bị cáo Trần Trung H thuộc hộ cận nghèo nên bị cáo được miễn án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thế H2 rút đơn kháng cáo tại phiên tòa nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn L, Trần Trung H, Trịnh Bá S và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 07 (bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2017 đến ngày 15/5/2018.

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Trung H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2017 đến ngày 18/12/2017.

+ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trịnh Bá S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2017 đến ngày 31/01/2018.

[2] Căn cứ vào khoản 3 Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thế H2; Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Thế H2.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm:

+ Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Các bị cáo: Trần Văn L, Trịnh Bá S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thế H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

+ Áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Trần Trung H.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- STP tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS cấp sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng